

Số: 1394 /QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025
của Trường Đại học Đà Lạt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo duyệt quyết toán ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Tài chính Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Đại học Đà Lạt (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Tài chính Kế hoạch và các đơn vị có liên quan thuộc và trực Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu :VT, TCKH. *fn/*



Lê Minh Chiến

Đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Biểu 04

Chương: 022



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 135/QĐ-ĐHDL ngày 15/10/2025 của Trường Đại học Đà Lạt)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số QT được duyệt chi tiết từng đơn vị
A	Quyết toán thu				
I	Tổng số thu	200.894.618.004	200.894.618.004		
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu sự nghiệp				
	- Học phí	183.546.429.967	183.546.429.967		
	- Lệ phí	852.880.500	852.880.500		
	- Khác	5.425.696.321	5.425.696.321		
3	Thu viện trợ				
4	Thu hoạt động SXKD, dịch vụ	11.136.245.736	11.136.245.736		
II	Chi từ nguồn thu được để lại	144.341.003.086	144.341.003.086		
1	Phí, Lệ phí				
2	Chi sự nghiệp				
	- Chi thường xuyên				
	- Chi không thường xuyên				
3	Chi viện trợ				
4	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	144.341.003.086	144.341.003.086		
III	Số thu nộp NSNN	6.525.452.216	6.525.452.216		
1	Từ nguồn thu sự nghiệp				
2	Từ nguồn thu HĐ SXKD	6.525.452.216	6.525.452.216		



Handwritten signature

B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Loại 070 – Khoản 081 Đào tạo đại học	89.871.716.000	89.871.716.000		
1	Kinh phí thường xuyên	35.164.600.000	35.164.600.000		
2	Kinh phí không thường xuyên	54.707.116.000	54.707.116.000		
I	Loại 070 – Khoản 081 Đào tạo đại học	89.871.716.000	89.871.716.000		
1	Kinh phí thường xuyên	35.164.600.000	35.164.600.000		
2	Kinh phí không thường xuyên	54.707.116.000	54.707.116.000		
II	Loại 100 – khoản 101 Nghiên cứu khoa học	3.101.069.984	3.101.069.984		
1	Kinh phí thường xuyên				
2	Kinh phí không thường xuyên	3.101.069.984	3.101.069.984		

gr

